

Số: /QĐ-TTTV-QLG Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận lưu hành giống cây trồng

CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-BNNMT ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Quyết định số 1818/QĐ-BNNMT ngày 30/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi một số điều có liên quan đến nhiệm vụ và tổ chức thanh tra tại các quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ đề nghị của Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam tại văn bản ngày 05/6/2026 về việc cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng;

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ và đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Giống cây trồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận lưu hành giống lúa VNR 26:

Mã số lưu hành: CNLH.2026.32;

Tổ chức đăng ký lưu hành: Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam;

Phạm vi lưu hành: Vụ Đông Xuân, vụ Hè Thu các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ;

Thời gian lưu hành: 20 năm kể từ ngày ký Quyết định;

Thông tin về giống được nêu cụ thể tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được công nhận lưu hành và các đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, phổ biến giống cây trồng được công nhận lưu hành nêu trên để áp dụng vào sản xuất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng các đơn vị thuộc Cục; tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được công nhận lưu hành, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- TTKKNG, SPCT Quốc gia;
- Phòng Trồng trọt và BVTV;
- VP Cục (để đăng tải lên Website Cục);
- BPMC (trả kết quả cho đơn vị);
- Lưu: VT, QLG._(P.D.H)

**KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Quốc Mạnh

Phụ lục
MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ GIỐNG LÚA VNR 26
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTTV-QLG ngày tháng năm 2026
của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

Tên tổ chức đăng ký công nhận lưu hành: Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trường Xuân, xã Trường Xuân, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 0277 651 8888

E-mail: luagaovn.vinarice@gmail.com

Công bố các thông tin về giống cây trồng cụ thể như sau:

Công bố các thông tin về giống cây trồng cụ thể như sau:

1. Tên giống cây trồng: VNR 26

Loài cây trồng: Lúa

2. Thông tin về giống lúa thuần VNR 26

2.1. Đặc tính của giống cây trồng:

a) Một số đặc tính của giống lúa thuần VNR 26 qua kết quả khảo nghiệm diện hẹp và khảo nghiệm diện rộng tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính hoặc điểm	Mức độ biểu hiện
1. Sức sống của mạ	5	Trung bình
2. Độ dài giai đoạn trỗ	1-5	Tập trung-Trung bình
3. Độ thuần đồng ruộng	1	Cao
4. Độ thoát cỏ bông	1	Thoát hoàn toàn
5. Độ cứng cây	1	Cứng
6. Độ tàn lá	1-5	Muộn-Trung bình
7. Thời gian sinh trưởng	ngày	Vùng Đông Nam Bộ: Vụ Đông Xuân: 90-98 Vụ Hè Thu: 98-100 Vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Vụ Đông Xuân: 90-100 Vụ Hè Thu: 94-102
8. Chiều cao cây	cm	101,7-110
9. Độ rụng hạt	1	Khó rụng
10. Số bông hữu hiệu trên	bông	7,2-9

Chỉ tiêu	Đơn vị tính hoặc điểm	Mức độ biểu hiện
khóm		
11. Số hạt chắc trên bông	hạt	88-121
12. Tỷ lệ lép	%	7,8-13,9
13. Khối lượng 1000 hạt	gram	22,1-24,0
14. Năng suất hạt	tạ/ha	Vùng Đông Nam Bộ: Vụ Đông Xuân: 71,9-98,0 Vụ Hè Thu: 56,8-57,7 Vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Vụ Đông Xuân: 51,2-83,1 Vụ Hè Thu: 48,3-65,1
15. Bệnh đạo ôn hại lá	Điểm	1-3
16. Bệnh đạo ôn cổ bông	Điểm	0-1
17. Bệnh bạc lá	Điểm	0-5
18. Bệnh khô vằn	Điểm	0-3
19. Bệnh đốm nâu	Điểm	0-3
20. Sâu đục thân	Điểm	0-1
21. Sâu cuốn lá	Điểm	0-3
22. Rầy nâu	Điểm	0-1
23. Chất lượng thóc gạo		
23.1. Chất lượng xay xát		
Tỷ lệ gạo lật	%	78,70-80,80
Tỷ lệ gạo xát	%	65,35-67,65
Tỷ lệ gạo nguyên	%	55,80-60,25
Chiều dài hạt gạo	mm	6,53-6,68
Tỷ lệ dài/rộng hạt gạo	—	3,1-3,3
23.2. Chất lượng gạo		
Độ bền gel	—	Mềm
Nhiệt độ hóa hồ	—	Thấp
Độ trắng bạc	—	Hơi bạc
Hàm lượng amylose	%	14,02-16,40

Chỉ tiêu	Đơn vị tính hoặc điểm	Mức độ biểu hiện
24. Chất lượng cơm	Điểm	
24.1. Màu sắc cơm	4,8-5,0	Trắng ngà-Trắng
24.2. Mùi thơm	2,2-2,6	Có mùi cơm, hương thơm kém đặc trưng
24.3. Độ mềm	3,6-4,2	Hơi mềm - Mềm
24.4. Độ dính	-	(*)
24.5. Độ bóng	-	(*)
24.6. Vị ngon	3,2-3,5	Khá ngon
25. Chất lượng dinh dưỡng*	-	(*)

*Ghi chú: * Số liệu này không có trong các báo cáo khảo nghiệm diện rộng và báo cáo khảo nghiệm diện hẹp.*

*** Kết quả khảo nghiệm có kiểm soát:**

- Đối với bệnh đạo ôn lá: Giống có phản ứng nhiễm vừa (cấp 5/9) với nguồn nấm bệnh đạo ôn đại diện cho các vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.
- Đối với bệnh bạc lá: Giống có phản ứng nhiễm (cấp 7/9) với nguồn bệnh bạc lá đại diện cho các vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.
- Đối với rầy nâu: Giống có phản ứng nhiễm vừa (cấp 5/9) với nguồn rầy nâu thu thập tại Tây Ninh đại diện vùng Đông Nam Bộ và tại Cần Thơ đại diện vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

2.2. Vật liệu nhân giống: Phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia.

2.3. Hướng dẫn bảo quản và sử dụng

a) Hướng dẫn bảo quản:

Hạt giống trước khi đưa vào bảo quản phải sạch tạp chất, phơi sấy khô đạt độ ẩm 12-13%. Hạt giống được bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, không để chung hạt giống với lương thực, thực phẩm, thức ăn gia súc và vật tư nông nghiệp khác...; để phòng chuột cắn thủng, rách bao bì làm hỏng hạt giống. Kiểm tra định kỳ hàng tháng về tỷ lệ nảy mầm, sâu mọt,..

b) Hướng dẫn sử dụng:

- Thời hạn sử dụng: Theo ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên bao bì.
- Thời vụ gieo trồng: Thích hợp gieo trồng vụ Đông Xuân, vụ Hè Thu.
- Vùng sản xuất: Các tỉnh vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

3. Thông tin cảnh báo an toàn

- Tham khảo đặc tính giống trên tài liệu để chăm sóc và quản lý dịch hại hiệu quả.

- Phòng trừ kịp thời các loại sâu bệnh hại chính theo khuyến cáo của cơ quan chuyên môn tại địa phương.
- Bón phân cân đối, bón theo khuyến cáo của nhà sản xuất và quy trình kỹ thuật canh tác của giống lúa./.